THUẾ TỈNH HƯNG YÊN
THUẾ CƠ SỞ 4 TỈNH HƯNG YÊN

Số: 1009/TCS4-NVDTPC

V/v tuyên truyền Luật Quản lý thuế số 108/2026/QH15 ngày 10/12/2025

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Yên Mỹ, ngày 13 tháng 7 năm 2026

Kính gửi:
- UBND các xã
- Người nộp thuế trên địa bàn thuộc Thuế cơ sở 4 tỉnh Hưng Yên quản lý

Từ ngày 01 tháng 7 năm 2026, Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 (được Quốc hội ban hành ngày 10/12/2025) đã chính thức có hiệu lực thi hành.

Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 được xây dựng trên cơ sở kế thừa những quy định còn phù hợp của Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14, đồng thời sửa đổi, bổ sung nhiều nội dung quan trọng nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn trong giai đoạn mới, góp phần hiện đại hóa công tác quản lý thuế, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, tạo thuận lợi cho người nộp thuế và bảo đảm công bằng, minh bạch trong thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước. Thuế cơ sở 4 tỉnh Hưng Yên tuyên truyền một số quy định của Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15. Trong đó, những điểm mới, nội dung trọng tâm người nộp thuế cần biết được kể đến sau đây:

1. Phạm vi áp dụng và đối tượng người nộp thuế

Luật áp dụng đối với người nộp thuế, cơ quan quản lý thuế, công chức quản lý thuế và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan. Người nộp thuế bao gồm tổ chức, hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân, cá nhân kinh doanh; tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động kinh doanh hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam; tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số khác; tổ chức, cá nhân thực hiện khấu trừ, nộp thay theo quy định.

2. Phân nhóm người nộp thuế trong quản lý thuế

Cơ quan thuế thực hiện phân nhóm người nộp thuế để xác định chế độ ưu tiên, phân bổ nguồn lực quản lý và áp dụng biện pháp quản lý phù hợp. Tiêu chí phân nhóm gồm ngành nghề, lĩnh vực, đặc thù, phương thức hoạt động; loại hình pháp lý, cơ cấu sở hữu; quy mô hoạt động, quy mô doanh thu, số nộp ngân sách; mức độ tuân thủ và lịch sử tuân thủ pháp luật về thuế; các tiêu chí khác theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

3. Đăng ký thuế và sử dụng mã số thuế

Luật quy định phạm vi đăng ký thuế gồm đăng ký lần đầu, thay đổi thông tin đăng ký thuế, thông báo khi tạm ngừng hoạt động kinh doanh, chấm dứt hiệu lực mã số thuế và khôi phục mã số thuế. Mã số thuế của cá nhân, hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh là số định danh cá nhân của cá nhân, chủ hộ gia đình, chủ hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh được cấp theo pháp luật về căn cước. Người nộp thuế cần rà soát thông tin định danh, địa chỉ, thông tin liên hệ

và thông tin đăng ký thuế để bảo đảm thống nhất với dữ liệu của cơ quan nhà nước.

4. Khai thuế, khai bổ sung hồ sơ khai thuế

Luật quy định người nộp thuế phát hiện hồ sơ khai thuế đã nộp có sai, sót được khai bổ sung trong thời hạn 05 năm kể từ ngày hết thời hạn nộp hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế có sai, sót, thuộc các trường hợp Luật quy định. Đối với nội dung đã thanh tra, kiểm tra, Luật quy định cơ chế người nộp thuế bổ sung hồ sơ giải trình để cơ quan thuế xem xét, chấp thuận trước khi điều chỉnh hồ sơ khai thuế trong trường hợp đáp ứng điều kiện.

5. Quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh

Đối với thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tự xác định doanh thu, số thuế phải nộp theo quy định pháp luật về thuế. Cơ quan thuế cung cấp thông tin, dữ liệu để hỗ trợ khai thuế, tính thuế. Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh sử dụng hóa đơn điện tử hoặc hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối dữ liệu với cơ quan thuế, Hệ thống thông tin quản lý thuế tự động tạo lập tờ khai thuế để hỗ trợ việc khai và tính thuế trên cơ sở dữ liệu hóa đơn điện tử, dữ liệu quản lý thuế và các nguồn dữ liệu khác.

Đối với hộ, cá nhân kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số khác có chức năng đặt hàng trực tuyến và chức năng thanh toán, chủ quản nền tảng có trách nhiệm khấu trừ, khai thay và nộp thay số thuế đã khấu trừ. Trường hợp nền tảng không có đồng thời chức năng đặt hàng trực tuyến và chức năng thanh toán, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trực tiếp khai thuế, tính thuế và nộp thuế.

6. Nộp thuế và mã định danh khoản phải nộp

Người nộp thuế nộp thuế, khoản thu khác, tiền chậm nộp, tiền phạt bằng phương thức điện tử hoặc trực tiếp theo quy định. Trường hợp khoản phải nộp đã được cơ quan quản lý thuế cung cấp mã định danh khoản phải nộp thì người nộp thuế thực hiện nộp theo mã định danh này.

7. Tiền chậm nộp và xử lý đối với việc chậm nộp tiền thuế

Luật quy định các trường hợp phải nộp tiền chậm nộp, trong đó có chậm nộp so với thời hạn nộp, thời hạn gia hạn nộp, khai bổ sung làm tăng số thuế phải nộp hoặc giảm số thuế được miễn, giảm, hoàn, không thu; trường hợp cơ quan có thẩm quyền phát hiện khai thiếu nghĩa vụ thuế.

Mức tính tiền chậm nộp là 0,03%/ngày tính trên số tiền thuế chậm nộp. Người nộp thuế tự xác định và nộp tiền chậm nộp; sau 30 ngày kể từ ngày nộp tiền thuế, khoản thu khác, tiền phạt mà chưa xác định số tiền chậm nộp thì cơ quan quản lý thuế xác định số tiền chậm nộp và thông báo cho người nộp thuế.

8. Hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế

Luật quy định cụ thể trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế trong các trường hợp giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động, không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký; tổ chức lại doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; trường hợp người nộp thuế là người đã chết, người bị Tòa án tuyên bố là đã chết, mất tích hoặc mất năng lực hành vi dân sự; trường hợp thay đổi địa chỉ trụ sở dẫn đến thay đổi cơ quan thuế quản lý, trường hợp do thay đổi địa giới hành chính theo

quy định của pháp luật; các trường hợp trước khi xuất cảnh; trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng vốn.

Người nộp thuế cần chủ động tra cứu nghĩa vụ thuế, xử lý đầy đủ nghĩa vụ còn tồn tại trước khi thực hiện các thủ tục chấm dứt hoạt động, tổ chức lại, chuyển địa điểm hoặc các giao dịch pháp lý quan trọng.

9. Hoàn thuế, miễn thuế, giảm thuế tự động theo lộ trình

Luật bổ sung cơ sở pháp lý để cơ quan thuế triển khai hoàn thuế tự động trên cơ sở dữ liệu, tiêu chí quản lý rủi ro, quy trình xử lý tự động và bảo đảm an toàn thông tin. Việc triển khai được thực hiện theo từng giai đoạn, phù hợp điều kiện thực tế, hạ tầng và ứng dụng công nghệ thông tin.

Luật cũng quy định cơ chế miễn thuế, giảm thuế tự động cho người nộp thuế trên cơ sở dữ liệu và quản lý rủi ro. Người nộp thuế vẫn cần lập hồ sơ, cung cấp thông tin khi thuộc trường hợp phải lập hồ sơ theo quy định và theo dõi trạng thái xử lý trên hệ thống điện tử.

10. Khoanh tiền thuế nợ, xóa tiền thuế nợ

Luật bổ sung trường hợp khoanh tiền thuế nợ đối với người nộp thuế bị hạn chế trên thực tế quyền khai thác, sử dụng về đất đai, khoáng sản được cấp, được giao do nguyên nhân từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền dẫn đến nợ nghĩa vụ tài chính về đất, khoáng sản.

Người nộp thuế tạm thời chưa bị tính tiền chậm nộp trong thời gian khoanh tiền thuế nợ. Sau khi chấm dứt hiệu lực của quyết định khoanh tiền thuế nợ, cơ quan quản lý thuế thực hiện tính đủ tiền chậm nộp kể từ thời điểm hết hạn nộp thuế theo quy định, trừ trường hợp nêu trên (sau khi chấm dứt khoanh nợ không tính lại tiền chậm nộp cho thời gian được khoanh theo quy định của Luật)

11. Kiểm tra thuế và ấn định thuế

Luật quy định nguyên tắc kiểm tra thuế áp dụng quản lý rủi ro và công nghệ thông tin, ưu tiên kiểm tra trực tuyến, từ xa trên dữ liệu điện tử; không cản trở hoạt động bình thường của người nộp thuế; không trùng lặp về nội dung, phạm vi, thời gian giữa cơ quan thanh tra, kiểm tra, Kiểm toán Nhà nước, trừ trường hợp có bằng chứng, căn cứ vi phạm cần kiểm tra lại.

Cơ quan thuế có quyền ấn định thuế trong các trường hợp Luật quy định như không đăng ký thuế, không khai thuế, khai thuế không đầy đủ, không trung thực, không chính xác về căn cứ tính thuế, không xuất trình sổ sách, hóa đơn, chứng từ và các tài liệu cần thiết, sử dụng hóa đơn, chứng từ không hợp pháp hoặc không tuân thủ quy định về giao dịch liên kết.

12. Hóa đơn điện tử và chứng từ điện tử

Hóa đơn điện tử là hóa đơn ở dạng dữ liệu điện tử do tổ chức, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh lập khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ. Hóa đơn điện tử gồm hóa đơn điện tử có mã, không có mã và hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối dữ liệu với cơ quan thuế. Người bán phải lập hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ để giao cho người mua, bảo đảm đầy đủ, trung thực nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Người mua có quyền và trách nhiệm yêu cầu người bán cung cấp hóa đơn điện tử khi mua hàng hóa, dịch vụ và được hưởng biện pháp khuyến khích theo quy định.

Luật cũng quy định về chứng từ điện tử và dịch vụ về chứng từ điện tử, tạo cơ sở pháp lý đồng bộ với hóa đơn điện tử.

13. Quản lý thuế trong thương mại điện tử, nền tảng số và giao dịch xuyên biên giới

Luật xác định rõ tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số khác là người nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế. Tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số khác và các dịch vụ khác thì trực tiếp hoặc ủy quyền thực hiện việc khai, nộp thuế, khoản thu khác tại Việt Nam, trừ trường hợp thuộc diện khấu trừ, khai thay, nộp thay.

Đối với giao dịch xuyên biên giới, Luật bổ sung cơ sở pháp lý cho hợp tác quốc tế về thuế, trao đổi thông tin, thủ tục thỏa thuận song phương (MAP), thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế (APA), quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết và triển khai thuế tối thiểu toàn cầu theo quy định.

14. Hệ thống thông tin quản lý thuế và bảo vệ quyền lợi khi có sự cố kỹ thuật

Hệ thống thông tin quản lý thuế xử lý tập trung, tích hợp; cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, dịch vụ số cho người nộp thuế; thu thập, xử lý, lưu trữ, cập nhật và quản lý thông tin, dữ liệu chính xác, đầy đủ, kịp thời. Toàn bộ quá trình này được ghi nhận, lưu lịch sử trên hệ thống.

Trường hợp phát sinh sự cố kỹ thuật của Hệ thống thông tin quản lý thuế khi người nộp thuế thực hiện giao dịch điện tử dẫn đến người nộp thuế không thể thực hiện được nghĩa vụ thuế theo đúng thời hạn quy định thì người nộp thuế không bị xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế, không tính tiền chậm nộp tiền thuế và không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ thuế của cơ quan thuế trong thời gian xảy ra sự cố.

15. Quyền và nghĩa vụ của người nộp thuế

Người nộp thuế có quyền được hỗ trợ, hướng dẫn; được tra cứu, xem, in, sử dụng chứng từ điện tử đã gửi đến Hệ thống thông tin quản lý thuế; được áp dụng chế độ ưu tiên nếu đáp ứng điều kiện; được tra cứu tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế, nhận thông báo số tiền thuế nợ qua tài khoản giao dịch điện tử do cơ quan quản lý thuế cung cấp; được bảo mật thông tin theo quy định; được bảo lưu ý kiến, giải trình; khiếu nại, khởi kiện theo quy định.

Người nộp thuế có nghĩa vụ đăng ký thuế, sử dụng mã số thuế; khai chính xác, trung thực, đầy đủ và nộp hồ sơ đúng hạn; nộp đầy đủ, đúng hạn các khoản thuế, khoản thu khác, tiền chậm nộp, tiền phạt; tuân thủ chế độ kế toán, sử dụng hóa đơn, chứng từ theo quy định; cung cấp chính xác, đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu liên quan đến việc xác định nghĩa vụ thuế dưới dạng văn bản giấy hoặc điện tử; vận hành hạ tầng kỹ thuật để thực hiện giao dịch điện tử, kết nối thông tin nghĩa vụ thuế với cơ quan quản lý thuế theo quy định.

16. Hiệu lực thi hành và quy định chuyển tiếp

Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2026; riêng Điều 13 và việc sử dụng hóa đơn điện tử của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tại Điều 26 có hiệu lực từ ngày 01/01/2026.

Các khoản thuế được miễn, giảm, không thu theo quy định của pháp luật tương ứng từng thời kỳ, phát sinh trước ngày 01/7/2026 thì tiếp tục xử lý theo quy định của Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14. Các khoản tiền thuế nợ đến hết ngày 30/6/2026 thì được xử lý theo quy định của Luật số 108/2025/QH15.
Các cuộc kiểm tra có quyết định kiểm tra được ban hành trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành nhưng chưa ban hành kết luận hoặc quyết định xử lý thì tiếp tục thực hiện theo quy định của Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14.

Với các nội dung sửa đổi bổ sung, Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 không chỉ góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về thuế, chống thất thu ngân sách, mà còn tạo môi trường thuế minh bạch, công bằng, thuận lợi hơn cho người dân và doanh nghiệp.

Thuế cơ sở 4 tỉnh Hưng Yên đề nghị UBND các xã phối hợp tuyên truyền trên hệ thống đài truyền thanh của địa phương các nội dung cơ bản của Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 để người nộp thuế được biết và thực hiện.

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Lãnh đạo TCS4;
- Các Tổ thuộc TCS4;
- Lưu: VT, NVDTPC.

KT.TRƯỞNG THUẾ CƠ SỞ
PHÓ TRƯỞNG THUẾ CƠ SỞ

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
THUẾ CƠ SỞ 4 TỈNH HƯNG YÊN
THUẾ TỈNH HƯNG YÊN

Vũ Văn Toản